

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Nền móng công trình

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM THÁI BÌNH

2. Ngày tháng năm sinh: 26/4/1986; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 416, CT2B, Khu Đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 205, nhà H3, Phòng KHCN và HTQT, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Số 54, Triều Khúc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0964 628809; E-mail: binhpt@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2009 đến 4/2011: Giảng viên Khoa Công trình, Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải (nay là Trường Đại học Công nghệ GTVT).

Từ 4/2011 đến nay: Giảng viên Bộ môn Địa kỹ thuật, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Từ 9/2013 đến 12/2017: Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Công nghệ Gujarat, Ấn Độ.

Từ 03/2018 đến nay: Trưởng nhóm Nghiên cứu mạnh “Địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo”, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Hà Nội, Việt Nam.

Từ 11/2018 đến 8/2021: Trưởng Bộ môn Địa kỹ thuật, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

Từ 01/2020 đến nay: Trợ lý Giáo sư, Trường Đại học Hiroshima, Nhật Bản.

Từ 8/2021 đến nay: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Hà Nội, Việt Nam.

Từ tháng 12/2021 đến nay: Trưởng Ban thư ký, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT, Trưởng nhóm Nghiên cứu Mạnh, Trưởng Ban thư ký Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ GTVT

Địa chỉ cơ quan: Số 54, Triều Khúc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.854 4264

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 6 năm 2009; số văn bằng: A305241; ngành: Xây dựng cầu đường, chuyên ngành: Địa kỹ thuật công trình Giao thông; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: A037129; ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; chuyên ngành: Xây dựng đường ô tô và đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 01 năm 2018; số văn bằng: 04316; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành.....; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Công nghệ Gujarat, Ấn Độ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được công nhận.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (1) Nghiên cứu các đặc trưng cơ lý của đất sử dụng trong tính toán thiết kế nền và móng;
- (2) Nghiên cứu tính chất vật liệu và kết cấu nền móng công trình;
- (3) Nghiên cứu trượt lở đất đá và ổn định nền đường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Trường;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Bộ GTVT;
- Đã công bố 68 bài báo khoa học, trong đó có 08 bài báo khoa học trong nước, 01 bài báo đăng ký yêu hội thảo quốc tế có phản biện, 59 bài báo khoa học ở ngoài nước (trong đó có 53 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín SCIE, 04 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín ESCI-Scopus, 02 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín Scopus).
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 (02 giáo trình và 01 chương sách của 01 sách tham khảo), trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học 2012-2013.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất tư tưởng, chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật;

- Được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn; được đào tạo và có đủ các chứng chỉ sư phạm trong đào tạo bậc đại học; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và có lý lịch rõ ràng;

- Tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, với đất nước, quê hương, không ngại khó khăn đi sâu nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của Ngành;

- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý và chương trình giáo dục quy định;

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi của người học;

- Luôn có ý thức rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy;

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học tiên tiến trên thế giới;

- Gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân và trong thực hiện các quy định của Pháp luật và điều lệ của Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 4 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013	0	0	0	0	105	0	105/117/270 <sup>(1)</sup>
2	2013-2014	Đi học Nghiên cứu sinh từ 9/2013 đến 12/2017 tại Trường Đại học Công nghệ Gujarat, Ấn Độ						
3	2014-2015							
4	2015-2016							
5	2016-2017							
6	2017-2018							
7	2018-2019	0	0	0	0	238.6	30	268.6/298.6/270
03 năm học cuối								
8	2019-2020	0	0	3	0	135	100	235/401.67/270
9	2020-2021	0	0	1	0	273.6	0	273.6/315.27/270
10	2021-2022	0	0	1	0	180	90	270/401.67/270
<b>Ghi chú:</b>								
<sup>(1)</sup> Năm học 2012-2013, giảng dạy đại học Học kỳ 2, tính 5 tháng thâm niên								
<sup>(2)</sup> Năm học 2017-2018, giảng dạy đại học Học kỳ 2, tính 5 tháng thâm niên								

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: Ấn Độ năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ;  Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Công Châu		X		X	2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/10/2019
2	Nguyễn Quang Hưng		X		X	2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/12/2019
3	Đặng Quang Thành		X	X		2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
4	Nguyễn Văn Bình		X	X		2020-2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
5	Đỗ Công Thành		X	X		2021-2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	21/01/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Địa chất công trình	GT	Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, 2014 (ISBN:	3		94-132	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 2538/VB-ĐHCNGTVT
2	Climate Change, Extreme Events and Disaster Risk Reduction	CK	Springer (ISBN: 978-3-319-56469-2)	3		159-170	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 2539/ VB-ĐHCNGTVT

II	Sau khi được công nhận TS						
3	Nền và Móng	GT	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2020 (ISBN: 978-604-9955-50-1)	4	X	13-28;73-149	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 2537/ VB-ĐHCNGTVT

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Tương quan về độ bền chống cắt của đất dính mềm yếu xác định từ các phương pháp khác nhau	CN	Mã số DT1112.20; Trường Đại học Công nghệ GTVT	6/2012-3/2013	23/3/2013, Xếp loại B
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Nghiên cứu đánh giá phân vùng cảnh báo nguy cơ sạt lở đất huyện Lục Yên, Yên Bái	CN	Mã số DT171836; Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/2018-10/2018	22/10/2018, Xếp loại A
3	Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trí tuệ nhân tạo của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong dự báo biến đổi địa môi trường khi xây dựng tuyến đường cao tốc ven biển đoạn Hải Phòng – Ninh Bình	CN	Mã số DT 184081; Bộ Giao thông Vận tải	6/2018-8/2019	16/8/2019, Xếp loại B
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và phát triển các mô hình học máy kết hợp với các kỹ thuật tối ưu hóa trong việc dự báo các tham số sức chống cắt của đất phục vụ xây dựng công trình giao thông	CN	Mã số DT 203029; Bộ Giao thông Vận tải	11/2019-03/2020	21/3/2021, Xếp loại A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

\*) Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

<b>TT</b>	<b>Tên bài báo/báo cáo KH</b>	<b>Số tác giả</b>	<b>Là tác giả chính</b>	<b>Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN</b>	<b>Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)</b>	<b>Số lần trích dẫn</b> (không tính tự trích dẫn, theo <a href="https://scite.ai">https://scite.ai</a> , truy cập ngày 24/6/2022)	<b>Tập, số, trang</b>	<b>Tháng, năm công bố</b>
<b>Bài báo và báo cáo khoa học trong Mục lục Tập 2 – Quyển 1</b>								
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Lựa chọn tham số sức chống cắt của đất dính mềm yếu khi tính ổn định trượt trong xây dựng đường ô tô	2		Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 0866-7012		-	Số 1+2/2013. Trang 36-39	1,2013
2	Landslide susceptibility assessment in the Uttarakhand area (India) using GIS: a comparison study of prediction capability of naïve Bayes, multilayer perceptron neural networks, and functional trees methods	5	X	Theoretical and Applied Climatology NXB: Springer ISSN: 1434-4483	SCIE, IF(2015) = 2.277, Q2	164	Vol.12 8, no.1, pages: 255– 273	12,2015 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s00704-015-1702-9">https://doi.org/10.1007/s00704-015-1702-9</a>
3	Rotation forest fuzzy rule-based classifier ensemble for spatial prediction of landslides using GIS	4	X	Natural Hazards NXB: Springer ISSN: 1573-0840	SCIE, IF(2016) = 2.015, Q1	61	Vol.83, no.1, pages: 97–127	3,2016 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s11069-016-2304-2">https://doi.org/10.1007/s11069-016-2304-2</a>

4	A comparative study of different machine learning methods for landslide susceptibility assessment: A case study of Uttarakhand area (India)	5	X	Environmental Modelling & Software NXB: Elsevier ISSN: 1364-8152	SCIE, IF(2016) = 4.854, Q1	225	Vol.84, pages: 240-250	7,2016 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2016.07.005">https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2016.07.005</a>
5	GIS-based modeling of rainfall-induced landslides using data mining-based functional trees classifier with AdaBoost, Bagging, and MultiBoost ensemble frameworks	6		Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2016) = 1.794, Q2	137	Vol.75, no.14, pages: 1-22	7,2016 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12665-016-5919-4">https://doi.org/10.1007/s12665-016-5919-4</a>
6	Hybrid integration of Multilayer Perceptron Neural Networks and machine learning ensembles for landslide susceptibility assessment at Himalayan area (India) using GIS	4	X	CATENA NXB: Elsevier ISSN: 0341-8162	SCIE, IF(2016) = 3.734, Q1	278	Vol.14 9, pages: 52-63	9,2016 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.catena.2016.09.007">https://doi.org/10.1016/j.catena.2016.09.007</a>
7	A Comparative Study of Sequential Minimal Optimization Based Support Vector Machines, Vote Feature Intervals and Logistic Regression in Landslide Susceptibility Assessment Using GIS	5	X	Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2017) = 1.627, Q2	44	Vol. 76, no.10, pages: 1-15	5,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12665-017-6689-3">https://doi.org/10.1007/s12665-017-6689-3</a>
8	A comparative study between popular statistical	7		CATENA NXB: Elsevier	SCIE,	47	Vol. 157, pages:	5,2017 DOI:



	and machine learning methods for simulating volume of landslides			ISSN: 0341-8162	IF(2017) = 3.589, Q1		213-226	<a href="https://doi.org/10.1016/j.catena.2017.05.016">https://doi.org/10.1016/j.catena.2017.05.016</a>
9	Landslide Susceptibility Assessment Using Bagging Ensemble Based Alternating Decision Trees, Logistic Regression and J48 Decision Trees Methods: A Comparative Study	3	X	Geotechnical and Geological Engineering NXB: Springer ISSN: 1573-1529	ESCI, Scopus, Q2	63	Vol.35, no.6, pages: 2597-2611	5,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s10706-017-0264-2">https://doi.org/10.1007/s10706-017-0264-2</a>
10	A novel hybrid artificial intelligence approach for flood susceptibility assessment	7		Environmental Modelling & Software NXB: Elsevier ISSN: 1364-8152	SCIE, IF(2017) = 4.685, Q1	227	Vol. 95, pages: 229-245	6,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2017.06.012">https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2017.06.012</a>
11	Application and Comparison of Decision Tree-Based Machine Learning Methods in Landside Susceptibility Assessment at Pauri Garhwal Area, Uttarakhand, India	3	X	Environmental Processes NXB: Springer ISSN: 2198-7505	ESCI, Scopus, Q1	46	Vol.4, no.3, pages: 711-730	6,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s40710-017-0248-5">https://doi.org/10.1007/s40710-017-0248-5</a>
12	A hybrid machine learning ensemble approach based on a Radial Basis Function neural network and Rotation Forest for landslide susceptibility modeling: a case study in the Himalayan area	5	X	International Journal of Sediment Research NXB: Elsevier ISSN: 1001-6279	SCIE, IF(2017) = 1.863, Q2	78	Vol. 33, no.2, pages: 157-170	9,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.ijsrc.2017.09.008">https://doi.org/10.1016/j.ijsrc.2017.09.008</a>

13	Spatial Prediction of Rainfall Induced Shallow Landslides Using Adaptive-Network-Based Fuzzy Inference System and Particle Swarm Optimization: A Case Study at the Uttarakhand Area, India	2	X	Proceeding of International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources: Advances and Applications in Geospatial Technology and Earth Resources NXB: Springer ISBN: 978-3-319-68240-2		2	Pages: 224-238	10, 2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/978-3-319-68240-2_14">https://doi.org/10.1007/978-3-319-68240-2_14</a>
14	A novel hybrid integration model using support vector machines and random subspace for weather-triggered landslide susceptibility assessment in the Wuning area (China)	8		Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2017) = 1.627, Q2	43	Vol. 76, no.19, pages: 1-19	10,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12665-017-6981-2">https://doi.org/10.1007/s12665-017-6981-2</a>
15	Evaluation and Comparison of LogitBoost Ensemble, Fisher's Linear Discriminant Analysis, Logistic Regression, and Support Vector Machines Methods for Landslide Susceptibility Mapping	2	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2017) = 1.560, Q2	38	Vol. 34, no.3, pages: 316-333	11,2017 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2017.1404141">https://doi.org/10.1080/10106049.2017.1404141</a>
16	Landslide susceptibility mapping using J48 Decision Tree with AdaBoost, Bagging	9		CATENA NXB: Elsevier	SCIE, IF(2018) = 4.160, Q1	185	Vol.16 3, pages: 399-413	1,2018 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j">https://doi.org/10.1016/j</a>

	and Rotation Forest ensembles in the Guangchang area (China)			ISSN: 0341-8162				<a href="https://doi.org/10.1007/s12594-018-0862-5">.catena.2018.01.005</a>
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
17	A Novel Classifier Based on Composite Hyper-cubes on Iterated Random Projections for Assessment of Landslide Susceptibility	1	X	Journal of the Geological Society of India NXB: Springer ISSN: 0974-6889	SCIE, IF(2018) = 0.947, Q3	11	Vol.91, no.3, pages: 355-362	3,2018 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12594-018-0862-5">https://doi.org/10.1007/s12594-018-0862-5</a>
18	Spatial Prediction of Rainfall-Induced Landslides Using Aggregating One-Dependence Estimators Classifier	4	X	Journal of the Indian Society of Remote Sensing NXB: Springer ISSN: 0974-3006	SCIE IF(2018) = 1.040, Q3	24	Vol.46, no.9, pages: 1457-1470	7,2018 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12524-018-0791-1">https://doi.org/10.1007/s12524-018-0791-1</a>
19	A Novel Hybrid Approach of Bayesian Logistic Regression and Its Ensembles for Landslide Susceptibility Assessment	8		Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE IF(2018) = 1.560, Q2	44	Vol.34, no.13, pages: 1427-1457	9,2018 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/1010604.9.2018.1499820">https://doi.org/10.1080/1010604.9.2018.1499820</a>
<b>Bài báo và báo cáo khoa học trong Mục lục Tập 2 – Quyển 2</b>								
20	A Comparison of Support Vector Machines and Bayesian Algorithms for Landslide Susceptibility Modeling	8	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2018) = 2.119, Q2	49	Vol.34, no.13, pages: 1385-1407	9,2018 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/1010604.9.2018.1489422">https://doi.org/10.1080/1010604.9.2018.1489422</a>
21	Prediction of Compressive Strength of Geopolymer Concrete Using Entirely Steel Slag Aggregates: Novel Hybrid Artificial	4	X	Applied Sciences NXB: MDPI ISSN: 2076-3417	SCIE, IF(2019) = 2.931, Q2	38	Vol.9, no.6, pages: 1-16	3,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/app9061113">https://doi.org/10.3390/app9061113</a>

	Intelligence Approaches							
22	Flash flood susceptibility modeling using an optimized fuzzy rule based feature selection technique and tree based ensemble methods	5		Science of The Total Environment NXB: Elsevier ISSN: 0048-9697	SCIE, IF(2019) = 7.137, Q1	112	Vol.66 8, pages: 1038- 1054	3,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2019.02.422">https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2019.02.422</a>
23	Hybrid Artificial Intelligence Approaches for Predicting Buckling Damage of Steel Columns Under Axial Compression	8		Materials NXB: MDPI ISSN: 1996-1944	SCIE, IF(2019) = 3.057, Q2	21	Vol.12, no.10, pages: 1-18	5,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/ma12101670">https://doi.org/10.3390/ma12101670</a>
24	Development of artificial intelligence models for the prediction of Compression Coefficient of soil: An application of Monte Carlo sensitivity analysis	17	X	Science of The Total Environment NXB: Elsevier ISSN: 0048-9697	SCIE, IF(2019) = 7.137, Q1	47	Vol.67 9, pages: 172- 184	5,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2019.05.061">https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2019.05.061</a>
25	A Novel Hybrid Approach of Landslide Susceptibility Modeling Using Rotation Forest Ensemble and Different Base Classifiers	11	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2019) = 3.686, Q1	56	Vol.35, no.12, pages: 1267- 1292	6,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2018.1559885">https://doi.org/10.1080/10106049.2018.1559885</a>
26	Landslide Susceptibility Modeling Using Different Artificial Intelligence Methods: A Case Study at Muong Lay District, Vietnam	10	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2019) = 3.686, Q1	22	Vol.36, no.15, pages: 1685- 1708	9,2019 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2019.1665715">https://doi.org/10.1080/10106049.2019.1665715</a>
27	GIS based frequency ratio method for landslide	7	X	Vietnam Journal of Earth Sciences	ESCI	11	Vol.42, no.1, pages: 55-66	9,2019 DOI: <a href="https://doi.org/">https://doi.org/</a>

	susceptibility mapping at Da Lat City, Lam Dong province, Vietnam			NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187				<a href="https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/1/14758">0.15625/0866-7187/42/1/14758</a>
28	Development of advanced artificial intelligence models for daily rainfall prediction	7	X	Atmospheric Research NXB: Elsevier ISSN: 0169-8095	SCIE, IF(2020) = 5.369, Q1	46	Vol.23 7, pages: 1-15	1,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.atmosres.2020.104845">https://doi.org/10.1016/j.atmosres.2020.104845</a>
29	Investigation and Optimization of the C-ANN Structure in Predicting the Compressive Strength of Foamed Concrete	5		Materials NXB: MDPI ISSN: 1996-1944	SCIE, IF(2020) = 3.623, Q2	17	Vol.13, no.5, pages: 1-17	2,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/ma13051072">https://doi.org/10.3390/ma13051072</a>
30	GIS Based Hybrid Computational Approaches for Flash Flood Susceptibility Assessment	12	X	Water NXB: MDPI ISSN: 2073-4441	SCIE, IF(2020) = 3.103, Q1	52	Vol.12, no.3, pages: 1-30	3,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/w12030683">https://doi.org/10.3390/w12030683</a>
31	Prediction of Shear Strength of Soil Using Direct Shear Test and Support Vector Machine Model	2	X	Open Construction & Building Technology Journal NXB: Bentham Open ISSN: 1874-8368	Scopus, Q2	-	Vol.14, no.1, pages: 41-50	5,2020 DOI: <a href="http://dx.doi.org/10.2174/1874836802014010268">http://dx.doi.org/10.2174/1874836802014010268</a>
32	Machine learning methods for landslide susceptibility studies: A comparative overview of algorithm performance	8		Earth-Science Reviews NXB: Elsevier ISSN: 0012-8252	SCIE, IF(2020) = 12.413, Q1	169	Vol.20 7, pages: 1-47	6,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.earscirev.2020.103225">https://doi.org/10.1016/j.earscirev.2020.103225</a>

33	Using Artificial Neural Network (ANN) for prediction of soil coefficient of consolidation	3	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus	1	Vol.42, no.4, pages: 311-319	6,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/4/15008">https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/4/15008</a>
34	Estimation of axial load-carrying capacity of concrete-filled steel tubes using surrogate models	5	X	Neural Computing and Applications NXB: Springer ISSN: 1433-3058	SCIE, IF(2020) = 5.606, Q2	28	Vol.33, no.8, pages: 3437-3458	7,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s00521-020-05214-w">https://doi.org/10.1007/s00521-020-05214-w</a>
Bài báo và báo cáo khoa học trong Mục lục Tập 2 – Quyển 3								
35	Soft-computing techniques for prediction of soils consolidation coefficient	11	X	CATENA NXB: Elsevier ISSN: 0341-8162	SCIE, IF(2020) = 5.198, Q1	16	Vol.19 5, pages: 1-13	7,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.catena.2020.104802">https://doi.org/10.1016/j.catena.2020.104802</a>
36	Soil Unconfined Compressive Strength Prediction Using Random Forest (RF) Machine Learning Model	2	X	Open Construction & Building Technology Journal NXB: Bentham Open ISSN: 1874-8368	Scopus, Q2	2	Vol.14, no.1, pages: 278-285	9,2020 DOI: <a href="http://dx.doi.org/10.2174/1874836802014010278">http://dx.doi.org/10.2174/1874836802014010278</a>
37	Estimation of friction capacity of driven piles in clay using artificial Neural Network	4		Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus	2	Vo.42, no.2, pages: 265-275	9,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/3/15182">https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/3/15182</a>

38	Improving Voting Feature Intervals for Spatial Prediction of Landslides	7	X	Mathematical Problems in Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1563-5147	SCIE, IF(2020) = 1.305, Q3	7	Vol.20 20, pages: 1-15	10,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2020/4310791">https://doi.org/10.1155/2020/4310791</a>
39	Can deep learning algorithms outperform benchmark machine learning algorithms in flood susceptibility modeling?	10	X	Journal of Hydrology NXB: Elsevier ISSN: 0022-1694	SCIE, IF(2020) = 5.722, Q1	26	Vol.59 2, pages: 1-23	10,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2020.12.5615">https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2020.12.5615</a>
40	Flood risk assessment using hybrid artificial intelligence models integrated with multi-criteria decision analysis in Quang Nam Province, Vietnam	8	X	Journal of Hydrology NXB: Elsevier ISSN: 0022-1694	SCIE, IF(2020) = 5.722, Q1	24	Vol.59 2, pages: 1-15	11,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2020.12.5815">https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2020.12.5815</a>
41	Backpropagation Neural Network-Based Machine Learning Model for Prediction of Soil Friction Angle	3	X	Mathematical Problems in Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1563-5147	SCIE, IF(2020) = 1.305, Q3	3	Vol.20 20, pages: 1-11	12,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2020/8845768">https://doi.org/10.1155/2020/8845768</a>
42	Improved flood susceptibility mapping using a best first decision tree integrated with ensemble learning techniques	9	X	Geoscience Frontiers NXB: Elsevier ISSN: 1674-9871	SCIE, IF(2020) = 6.853, Q1	19	Vol.12, no.3, pages: 1-10	12,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.gsf.2020.11.003">https://doi.org/10.1016/j.gsf.2020.11.003</a>
43	Improving pressure drops estimation of fresh cemented paste backfill slurry using a hybrid machine learning method	5	X	Minerals Engineering NXB: Elsevier ISSN: 0892-6875	SCIE, IF(2020) = 4.765, Q1	14	Vol.16 3, pages: 1-12	1,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.mineng.2021.10.6790">https://doi.org/10.1016/j.mineng.2021.10.6790</a>

44	Surrogate models for the compressive strength mapping of cement mortar materials	8		Soft Computing NXB: Springer ISSN: 1433-7479	SCIE, IF(2020) = 3.643, Q2	10	Vol.25, no.8, pages: 6347- 6372	2,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s00500-021-05626-3">https://doi.org/10.1007/s00500-021-05626-3</a>
45	Flood risk assessment using deep learning integrated with multi-criteria decision analysis	8	X	Knowledge-Based Systems NXB: Elsevier ISSN: 0950-7051	SCIE, IF(2020) = 8.038, Q1	17	Vol.21 9, pages: 1-15	2,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.knsys.2021.106899">https://doi.org/10.1016/j.knsys.2021.106899</a>
46	Improved strength prediction of cemented paste backfill using a novel model based on adaptive neuro fuzzy inference system and artificial bee colony	6	X	Construction and Building Materials NXB: Elsevier ISSN: 0950-0618	SCIE, IF(2020) = 6.141, Q1	16	Vol.28 4, pages: 1-14	3,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2021.122857">https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2021.122857</a>
47	Estimation of Soil Cohesion Using Machine Learning Method: A Random Forest Approach	3	X	Advances in Civil Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1687-8094	SCIE, IF(2020) = 1.924, Q2	5	Vol.20 21, pages: 1-14	3,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2021/8873993">https://doi.org/10.1155/2021/8873993</a>
48	Spatial Prediction of Landslides in 12 National Highway (Hoa Binh, Vietnam) Using Novel Hybrid Models	12	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2020) 4.889, Q1	5	Pages: 1-26	4,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1912195">https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1912195</a>
49	Landslide Susceptibility Mapping using state-of-the-art machine learning ensembles	12	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2020) = 4.889, Q1	3	Pages: 1-23	4,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/1010604">https://doi.org/10.1080/1010604</a>



								<a href="#">9.2021.1</a> <a href="#">914746</a>
Bài báo và báo cáo khoa học trong Mục lục Tập 2 – Quyển 4								
50	A new development of ANFIS-Based Henry gas solubility optimization technique for prediction of soil shear strength	7	X	Transportation Geotechnics NXB: Elsevier ISSN: 2214-3912	SCIE, IF(2020) = 3.293, Q1	7	Vol.29	5,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.trgeo.2021.100579">https://doi.org/10.1016/j.trgeo.2021.100579</a>
51	Flood-prone area mapping using machine learning techniques: A case study of Quang Binh province, Vietnam	8	X	Natural Hazards NXB: Springer ISSN: 1573-0840	SCIE, IF(2020) = 3.102, Q1	3	Vol.10 8, no.3, pages: 3229– 3251	6,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s11069-021-04821-7">https://doi.org/10.1007/s11069-021-04821-7</a>
52	Identification, Monitoring, and Assessment of an Active Landslide in Tavan-Hauthao, Sapa, Laocai, Vietnam – A Multidisciplinary Approach	10		Journal of Disaster Research NXB: Fuji Technology Press Ltd ISSN: 1883-8030	ESCI, Scopus, Q2	-	Vol.16, no.4, pages: 501- 511	6,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.20965/jdr.2021.p0501">https://doi.org/10.20965/jdr.2021.p0501</a>
53	Naïve Bayes ensemble models for groundwater potential mapping	8	X	Ecological Informatics NXB: Elsevier ISSN: 1574-9541	SCIE, IF(2020) = 3.142, Q1	6	Vol.64	7,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2021.101389">https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2021.101389</a>
54	Metaheuristic optimization of Levenberg–Marquardt-based artificial neural network using particle swarm optimization for prediction of foamed concrete	3	X	Neural Computing and Applications NXB: Springer ISSN: 1433-3058	SCIE IF(2020) = 5.606, Q2	4	Vol.33, pages: 17331– 17351	8,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s00521-021-06321-y">https://doi.org/10.1007/s00521-021-06321-y</a>

	compressive strength							
55	Quadratic Discriminant Analysis Based Ensemble Machine Learning Models for Groundwater Potential Modeling and Mapping	12	X	Water Resources Management NXB: Springer ISSN: 1573-1650	SCIE, IF(2020) = 3.517, Q1	7	Vol.35, pages: 4415–4433	9,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s11269-021-02957-6">https://doi.org/10.1007/s11269-021-02957-6</a>
56	Performance assessment of artificial neural network using chi-square and backward elimination feature selection methods for landslide susceptibility analysis	8	X	Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2020) = 2.784, Q2	2	Vol. 80, no.20, pages: 1-13	10,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12665-021-09998-5">https://doi.org/10.1007/s12665-021-09998-5</a>
57	Hybridization of Differential Evolution and Adaptive-Network-Based Fuzzy Inference System in Estimation of Compression Coefficient of Plastic Clay Soil	7	X	Computer Modeling in Engineering & Sciences NXB: Tech Science Press ISSN: 1526-1506	SCIE, IF(2020) = 1.593, Q3	-		11,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.32604/cmes.2022.017355">https://doi.org/10.32604/cmes.2022.017355</a>
58	A Comparative Study of Soft Computing Models for Prediction of Permeability Coefficient of Soil	7	X	Mathematical Problems in Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1563-5147	SCIE, IF(2020) = 1.305, Q2	1	Vol.20 21	11,2021 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2021/7631493">https://doi.org/10.1155/2021/7631493</a>
59	Estimation of the undrained shear strength of sensitive clays using optimized inference intelligence system	5	X	Neural Computing and Applications NXB: Springer ISSN: 1433-3058	SCIE, IF(2020) = 5.606, Q2	1	Vol.34, pages: 7835–7849	1,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s00521-022-06891-5">https://doi.org/10.1007/s00521-022-06891-5</a>
60	A practical approach to flood	6		Environment, Development	SCIE,	1	Pages: 1-30	1,2022 DOI:

	hazard, vulnerability, and risk assessing and mapping for Quang Binh province, Vietnam			and Sustainability NXB: Springer ISSN: 1573-2975	IF(2020) = 3.219, Q1			<a href="https://doi.org/10.1007/s10668-021-02041-4">https://doi.org/10.1007/s10668-021-02041-4</a>
61	Dimensionality reduction and prediction of soil consolidation coefficient using random forest coupling with Relief algorithm	4		Frontiers of Structural and Civil Engineering NXB: Springer ISSN: 2095-2449	SCIE, IF(2020) = 2.370, Q2	-	Vol.16, no.2, pages: 224–238	3,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s11709-022-0812-6">https://doi.org/10.1007/s11709-022-0812-6</a>
62	Hybrid Model: Teaching Learning-Based Optimization of Artificial Neural Network (TLBO-ANN) for the Prediction of Soil Permeability Coefficient	5	X	Mathematical Problems in Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1563-5147	SCIE, IF(2020) = 1.305, Q2	-	Vol.20 22	3,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2022/8938836">https://doi.org/10.1155/2022/8938836</a>
63	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các một số bài toán địa kỹ thuật	2	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2615-9751		-	Số 3/2022, trang: 66-9	3,2022
64	Evaluation of Shannon Entropy and Weights of Evidence Models in Landslide Susceptibility Mapping for the Pithoragarh District of Uttarakhand State, India	7	X	Advances in Civil Engineering NXB: Hindawi ISSN: 1687-8094	SCIE, IF(2020) = 1.924, Q2	-	Vol.20 22	4,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.1155/2022/6645007">https://doi.org/10.1155/2022/6645007</a>
65	A machine learning approach in spatial predicting of landslides and flash flood susceptible zones for a road network	8		Modeling Earth Systems and Environment NXB: Springer ISSN: 2363-6211	ESCI, Scopus, Q2	-	Pages: 1-17	4,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s40808-022-01384-9">https://doi.org/10.1007/s40808-022-01384-9</a>

66	Nghiên cứu ứng dụng các mô hình học máy trong dự báo ổn định mái dốc phục vụ xây dựng công trình giao thông ở Việt Nam	3	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2615-9751		-	Số 3/2022. trang 62-64	5,2022
67	Ứng dụng mô hình trọng số dẫn chứng (WOE) trong xây dựng bản đồ nguy cơ sạt lở tại tỉnh Quảng Nam	3		Tạp chí Xây dựng ISSN: 2615-9058		-	Tập 16, số 2V, trang: 139-152	5,2022 DOI: <a href="https://doi.org/10.31814/stce.huace(nuce)2022-16(2V)-12">https://doi.org/10.31814/stce.huace(nuce)2022-16(2V)-12</a>
68	Estimation of ultimate bearing capacity of bored piles using machine learning models	6	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus, Q2	-	Vo.44, no.3, pages: 1-12	5,2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/2615-9783/17177">https://doi.org/10.15625/2615-9783/17177</a>

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 36 (Các số thứ tự 17, 18, 20, 21, 24-28, 30, 31, 33, 34-36, 38-43, 45-51, 53-59, 62, 64).

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo sau đại học (Tiến sĩ) chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông	Tham gia	QĐ số 1167/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18/04/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10/07/2018	
2	Chương trình đào tạo sau đại học (Tiến sĩ) chuyên ngành Xây dựng công trình đặc biệt	Tham gia	QĐ số 1168/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18/04/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10/07/2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

\*) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 01 năm 2 tháng.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2012-2013/30;

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2012-2013/153; 2017-2018/103.6.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2022*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS. Phạm Thái Bình**